TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-05-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*: Bà* Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 8 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày12 tháng 01 năm 2023 về việc *"ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXX-ST ngày 23/03/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 646, đường N, khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh Lưu Hồng P, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Địa chỉ: Pasay, Manila, Philippines.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản giấy tờ của anh P: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, sau một thời gian tìm hiểu, được sự nhất trí của hai bên gia đình, chị và anh Lưu Hồng P kết hôn với nhau. Khi kết hôn, anh, chị có tổ chức lễ cưới theo truyền thống địa phương và đăng ký kết hôn ngày 27/11/2013 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu khi mới kết hôn, chị và anh P chung sống khá hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng đôi khi có phát sinh mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chị và anh P đều tự giải quyết được với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2015, chị và anh P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, với tần suất và mức độ ngày một trầm trọng hơn trước. Tháng 01/2020, anh P đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Sau khi anh P đi, một phần vì giữa hai bên đã mâu thuẫn từ trước, một phần đôi bên xa cách, không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, sự quan tâm, hỏi han, liên lạc giữa hai bên thưa thớt và ít dần. Vợ chồng ít liên lạc với nhau, mỗi lần vợ chồng nói chuyện lại phát sinh mâu thuẫn, xung đột về mọi mặt từ kinh tế, quan điểm, định hướng, cuộc sống, khiến hai bên đều trở nên mệt mỏi, chán chường. Mỗi lần phát sinh mâu thuẫn, bản thân chị đã nhiều lần chủ động tìm cách níu kéo tình cảm, hóa giải mọi mâu thuẫn. Nhưng bất chấp mọi cố gắng của chị đều không có kết quả, anh P không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị. Thậm chí anh P còn cắt đứt mọi liên lạc với chị, không cho chị biết địa chỉ của anh tại Philippines.

Chính vì vậy, năm 2021, sau một khoảng thời gian dài mâu thuẫn, chị đã về cư trú tại nhà bố mẹ đẻ ở tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nay chị nhận thấy việc tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P không những không mang lại hạnh phúc mà còn làm khổ nhau hơn. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lưu Hồng P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh P có 01 con chung là cháu Lưu Ph, sinh ngày 04/6/2014. Hiện nay, cháu Ph đang sinh sống cùng với chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Ph. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Ph cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/03/2023 (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Philippines),bị đơn anh Lưu Hồng P trình bầy:

Anh đã được mẹ đẻ bà Lưu Thị T, Thông báo về việc thụ lý vụ án số 10/TB-TLVA ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, về việc chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H, kết hôn với nhau ngày

27/11/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị H có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình. Sau khi kết hôn chị H đã về gia đình anh làm dâu ngay vợ chồng sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau trong cuộc sống hằng này. Mâu thuẫn vợ chồng theo như chị H trình bầy là đúng. Đến tháng 01/2020 anh làm thủ tục đi lao động xuất khẩu ở Philippines, từ đó cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh đồng ý đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh và chị H được ly hôn để vợ chồng giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Lưu Ph, sinh ngày 04/6/2014. Hiện nay cháu Ph đang do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao cháu Ph cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng, anh đồng ý.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Lưu Ph trình bầy: Cháu là con mẹ H, bố P, hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu là Nguyễn Thị Thu H. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ Nguyễn Thị Thu H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, bản tự khai của anh Pvà thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn và bị đơn dều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lưu Hồng P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Ph, sinh ngày 04/6/2014 cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lưu Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Lưu Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Lưu Hồng P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn anh P và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, hiện nay anh P là bị đơn đang lao động tại Philipines, anh P có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Theo công văn số: 1504/QLXNC-P5 ngày 19/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an cung cấp, anh P xuất nhập cảnh 16 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 16/01/2023, ngoài ra, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhận được Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt đều đề ngày 14/03/2023, Giấy ủy quyền ngày 14/4/2023 của anh P có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Philippines. Như vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị H và anh P kết hôn ngày 27/11/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh P phát sinh mâu thuẫn. Chị H khởi kiện xin ly hôn anh P.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh P chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H cũng đã nhiều lần chủ động hòa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn anh P, anh P có bản tự khai gửi từ Philipines về xác nhận vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ năm 2015 và mâu thuẫn như chị H

trình bầy là đúng, đến nay do mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh P cũng đồng ý và đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh P.

[4]. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh P có 01 con chung là cháu Lưu Ph, sinh ngày 04/6/2014. Hiện nay cháu Ph đang ở cùng chị H, vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ph.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh P đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con chung, cháu Ph từ khi anh P đi nước ngoài vẫn do chị H nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường, ngoài ra cháu Phong trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Anh P có quan điểm đồng ý với yêu cầu của chị H, nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Ph cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cũng như nguyện vọng của cháu Ph.

Sau khi ly hôn anh Lưu Hồng P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Lưu Hồng P về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị H yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy theo quy định tại Khoản 2 Điều 81, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình thì: "...Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; cấp dưỡng theo phương thức hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần...; mức cấp dưỡng căn cứ vào khả năng thực tế và thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thỏa thuận. Như vậy, yêu cầu của chị H là có căn cứ và được chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là 3.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này được anh P tự nguyện đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng từ ngày 1/5/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H, anh P trình bầy không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[7]. Về quyền kháng cáo**:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 116; Điều 117; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lưu Hồng P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Ph, sinh ngày 04/06/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn anh Lưu Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lưu Hồng P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/5/2023 cho đến khi cháu Lưu Ph đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000810 ngày 12/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Anh Lưu Hồng P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị H đang cư trú ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh P đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền